

Số: **83/2022/QĐST-DS**

Quận 4, ngày 04 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 73/2022/ TLST-DS ngày 19/5/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Thạch Tấn T**, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Đường A, khu phố B, phường C, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Trần Ngọc P**, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Đường E, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Trần Ngọc P có trách nhiệm trả cho ông Thạch Tấn T số tiền là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

- Phương thức thanh toán cụ thể như sau:

Ông Trần Ngọc P có trách nhiệm trả số tiền nêu trên trong thời hạn 12 (mười hai) tháng, mỗi tháng ông P trả số tiền là 6.600.000 (sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng, tháng cuối cùng ông P trả số tiền còn lại là 7.400.000 (bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng;

Thực hiện vào ngày 15 (đương lịch) hàng tháng, bắt đầu trả từ ngày

15/9/2022 cho đến ngày 15/8/2023.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Thạch Tấn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 (một triệu) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số 0008918 ngày 11/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T được hoàn lại số tiền là 1.000.000 (một triệu) đồng.

- Ông Trần Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000 (một triệu) đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

THẨM PHÁN

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Trần Hồng Loan

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày.....tháng.....năm về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số:..../..../TLST-.....⁽³⁾
ngày...tháng... năm.....

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- 1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**⁽⁴⁾

.....
.....

- 2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**⁽⁵⁾

.....
.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.